|  |  |
| --- | --- |
|  **TRƯỜNG THPT NAM ĐÀN 2****ĐỀ CHÍNH THỨC** | **KỲ THI CHỌN HSG LỚP 12 NĂM HỌC 2022-2023****ĐỀ THI MÔN: ĐỊA LÍ***Thời gian làm bài: 150 phút, không kể thời gian giao đề.* |

**Câu I. (3.0 điểm).** Dựa vào kiến thức đã học phần khí quyển ở lớp 10, em hãy :

1. Nêu các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa ?

2. Nhận xét và giải thích tình hình phân bố mưa trên trái đất ?

3. Giải thích tại sao cùng xuất phát từ áp cao chí tuyến nhưng gió Mậu dịch có tính chất khô trong khi gió Tây ôn đới lại có độ ẩm rất cao.

**Câu II. (3,0 điểm)**

1. Tại sao những đặc tính cần cù, có tinh thần trách nhiệm cao, coi trọng giáo dục, đã trở thành động lực quan trọng trong việc phát triển nền kinh tế Nhật Bản?

2. Giải thích câu nói: Trong bảo vệ môi trường cần phải “Tư duy toàn cầu, hành động địa phương” .

3. Tại sao các trung tâm công nghiệp của Trung Quốc lại tập trung chủ yếu ở miền Đông?

**Câu III. (4 điểm).**

1. Hãy cho biết vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta gây ra những khó khăn, thách thức nào cho sự phát triển kinh tế - xã hội?

2. Chế độ mưa của nước ta có đặc điểm như thế nào? Tại sao Huế là nơi mưa rất nhiều?

3. Hãy so sánh sự khác biệt của địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc và địa hình vùng núi Trường Sơn Nam.

**Câu IV. (3,0 điểm)**Cho bảng số liệu:

 **LƯỢNG BỨC XẠ TỔNG CỘNG HÀNG THÁNG VÀ CẢ NĂM** ***(Đơn vị: Kcal/cm2)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **Cả năm** |
| **Hà Nội** | 6,5 | 3,4 | 4,5 | 8,7 | 12,0 | 12,8 | 14,0 | 12,0 | 11,6 | 10,3 | 7,8 | 6,8 | 110,4 |
| **TP. HCM** | 12,2 | 15,2 | 16,0 | 14,5 | 11,1 | 8,9 | 8,9 | 8,6 | 8,9 | 10,0 | 10,3 | 10,4 | 135,0 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, NXB Thống kê, 2016)*

So sánh và giải thích sự khác biệt về lượng bức xạ Mặt Trời tổng cộng hàng tháng và cả năm tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

**Câu V. (4 điểm)** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

 1. Phân tích đặc điểm đường biên giới trên đất liền nước ta.

 2. Nêu mối quan hệ tác động qua lại giữa địa hình và mạng lưới sông ngòi ở nước ta.

 3. Giải thích tại sao địa hình nước ta già trẻ lại và có tính phân bậc rõ rệt.

**Câu VI**. **(3.0 điểm)** Cho bảng số liệu:

TỔNG SỐ DÂN VÀ DÂN SỐ THÀNH THỊ CỦA NƯỚC TA *(Đơn vị: nghìn người)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số dân** | **Thành thị** |
| 1990 | 66016,7 | 12880,3 |
| 1995 | 71995,5 | 14938,1 |
| 1999 | 76596,7 | 18081,6 |
| 2005 | 82392,1 | 22332,0 |
| 2010 | 86932,5 | 26515,9 |

1. Hãy tính tỉ lệ dân thành thị của nước ta qua các năm trên.

2. Dựa vào bảng số liệu đã cho và kết quả vừa tính, hãy vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình phát triển dân số của nước ta giai đoạn 1990 - 2010.

3. Nhận xét và giải thích tình hình phát triển dân số của nước ta giai đoạn trên.

**----------------------------------------------HẾT............................................................**